

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 8 - 2022

V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Dẫn.

Ông Trương Vĩnh Ký.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 151/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lâm Thị Mỹ T; Sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Tạ Rách Th; Sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 3 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lâm Thị Mỹ T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Mỹ T và ông Tạ Rách Th tự nguyện đến với nhau vào năm 2011, ông bà chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đi đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Bà T và ông Th sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Th không còn, nên bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa bà và ông Th không phải là vợ chồng; Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông Th có 02 người con chung là Tạ Thị Tuyết Nh, sinh ngày 15/11/2011 và Tạ Minh Đ, sinh ngày 24/3/2018. Hiện nay, cháu Nh và cháu Đ đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi con chung là Tạ Thị Tuyết Nh, sinh ngày 15/11/2011 và Tạ Minh Đ, sinh ngày 24/3/2018 cho đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông Tạ Rách Th phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông Th không có tài sản chung và không có nợ chung, nên bà T không có yêu cầu gì.

Bị đơn là ông Tạ Rách Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, ông Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Th.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử Tuyên bố không công nhận bà Lâm Thị Mỹ T và ông Tạ Rách Th là vợ chồng; Xử giao cháu Tạ Thị Tuyết Nh, sinh ngày 15/11/2011 và Tạ Minh Đ, sinh ngày 24/3/2018 cho bà T nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Tạ Rách Th là bị đơn trong vụ án, ông Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

Đối với nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ T đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Mỹ T và ông Tạ Rách Th có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2011, trên tinh thần tự nguyện của ông bà, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, kéo dài đến tháng 01/2021 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 3 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa bà và ông Th không phải là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 3 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa bà và ông Th không phải là vợ chồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xử tuyên bố không công nhận bà T và ông Th là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông Th có 02 người con chung là Tạ Thị Tuyết Nh, sinh ngày 15/11/2011 và Tạ Minh Đ, sinh ngày 24/3/2018. Hiện nay, cháu Nh và cháu Đ đang sống với bà T. Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 3 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu được nuôi con chung tên là Tạ Thị Tuyết Nh, sinh ngày 15/11/2011 và Tạ Minh Đ, sinh ngày 24/3/2018 cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với bị đơn là ông Tạ Rách Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về nội dung yêu cầu của bà T, nhưng ông Th không có văn bản trả lời về nội dung yêu cầu của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi bà T và ông Th sống ly thân cho đến nay thì cháu Nh và cháu Đ sống chung với bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Tạ Thị Tuyết Nh, sinh ngày 15/11/2011 và Tạ Minh Đ, sinh ngày 24/3/2018 cho bà T nuôi dưỡng đến khi thành niên, do bà T không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con, nên ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông Th, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Ông Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Mỹ T.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lâm Thị Mỹ T và ông Tạ Rách Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Tạ Thị Tuyết Nh, sinh ngày 15/11/2011 và Tạ Minh Đ, sinh ngày 24/3/2018 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh và cháu Đ thành niên. Ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông Th, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng bà T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002139 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Tạ Rách Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lâm Thị Mỹ T và ông Tạ Rách Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên